

Số: /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP ngày 29/7/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ và Kế hoạch số 11-KH/BCĐ ngày 28/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện Kế hoạch số 11-KH/BCĐ ngày 28/7/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa về Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP ngày 29/7/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ và Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW;

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương được giao¹; tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chậm tiến độ về chuyển đổi số; triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp trong 100 ngày làm việc, tạo chuyển biến thực chất trong phương thức quản trị, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống, nguồn lực đã được bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm; bảo đảm dữ liệu sau khi tạo lập được kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác kịp thời.

c) Tạo ra sản phẩm cụ thể, có thể đo lường, kiểm chứng và vận hành thực tế; lấy sản phẩm đầu ra, dữ liệu vận hành, số lượng người sử dụng, mức độ cắt giảm giấy tờ, thời gian, chi phí và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả.

¹ Theo nội dung tại Kế hoạch số 11-KH/BCĐ và Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức thực hiện theo yêu cầu “06 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng; cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ thực hiện nội dung phối hợp. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện; kịp thời xem xét trách nhiệm đối với nhiệm vụ chậm tiến độ, thực hiện mang tính hình thức hoặc báo cáo không đúng thực tế.

b) Đối với nhiệm vụ đã xác định cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm và thời hạn, các cơ quan chủ động triển khai ngay. Trường hợp một nhiệm vụ đồng thời được giao tại nhiều văn bản thì thực hiện theo yêu cầu cụ thể hơn, sản phẩm đầu ra cao hơn và thời hạn hoàn thành sớm hơn.

c) Ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng và cơ sở dữ liệu dùng chung; không đầu tư mới hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu trùng chức năng khi đã có nền tảng đáp ứng yêu cầu. Dữ liệu sau khi tạo lập, làm sạch phải được xác thực, ký số theo quy định, cập nhật và đồng bộ kịp thời với Trung tâm dữ liệu quốc gia; được khai thác để thay thế giấy tờ, thành phần hồ sơ và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường; các nhiệm vụ xử lý điểm nghẽn thuộc các nhóm vấn đề về thể chế, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, kinh tế số, xã hội số, nguồn nhân lực, tài chính và giải ngân, kỷ luật thực thi và tuân thủ.

b) Đối tượng thực hiện: Các sở, ban, ngành, cơ quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp nhà nước và cơ quan, tổ chức có liên quan được giao nhiệm vụ (*gọi tắt là các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương*). Đối với nhiệm vụ liên ngành, liên thông, các đối tượng thực hiện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan theo phân công.

c) Kế hoạch này xác định nhiệm vụ, sản phẩm, thời hạn và cơ chế điều phối ở cấp tỉnh; không thay thế việc phân công và tổ chức thực hiện trong nội bộ từng sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thời gian thực hiện

Thực hiện cao điểm trong 100 ngày làm việc, từ ngày 11 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2026. Đối với nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2026, cơ quan chủ trì phải hoàn thành đầy đủ các sản phẩm trung gian và điều kiện triển khai thuộc giai đoạn 100 ngày theo yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; đồng thời tiếp tục tổ chức thực hiện theo thời hạn được giao.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.
2. Nhiệm vụ được giao phối hợp thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Khẩn trương ban hành mới hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch hành động của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương mình; phân công cụ thể lãnh đạo phụ trách, đơn vị và cán bộ thực hiện. Đối với nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, phải lập lộ trình chi tiết theo từng công đoạn, mốc thời gian, sản phẩm, đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp; báo cáo kế hoạch hoặc văn bản cập nhật về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) trước ngày 11 tháng 8 năm 2026.

b) Người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng, sản phẩm và kết quả thực hiện; chủ động bố trí nguồn lực, xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ, kém hiệu quả hoặc khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm, không chờ cơ quan khác nhắc việc.

c) Trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền hoặc liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, cơ quan chủ trì phải chủ động phối hợp, đề xuất rõ phương án xử lý, cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thời hạn hoàn thành; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, điều phối việc thực hiện Kế hoạch; thiết lập bảng điều hành, tiêu chí xác nhận hoàn thành nhiệm vụ và cơ chế cảnh báo sớm; tổng hợp hằng tuần, hằng tháng, báo cáo Ban Chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh.

Đồng thời chủ trì tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ, có vướng mắc trong phân định trách nhiệm, cần xử lý liên ngành hoặc vượt thẩm quyền của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên cập nhật kết quả trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương tại địa chỉ <https://theodoing.dcs.vn> các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo Chính phủ giao cho địa phương.

3. Cơ chế kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

a) Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện trên cơ sở sản phẩm đầu ra, dữ liệu vận hành và trải nghiệm của người sử dụng. Cơ quan chủ trì phải cung cấp đầy đủ văn bản, sản phẩm, số liệu về người sử dụng, chỉ số hiệu năng, mức độ an toàn thông tin, an ninh mạng, thời gian, chi phí, thành phần hồ sơ được cắt giảm và phản hồi của người dân, doanh nghiệp.

b) Trước 10 giờ 00 phút thứ Tư hằng tuần, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) thông qua nhóm “Theo dõi báo cáo NQ57”. Trước ngày 20 hằng tháng, các sở, cơ quan, địa phương cập nhật kết quả, sản phẩm, minh chứng và khó khăn, vướng mắc.

c) Báo cáo phải phản ánh đúng tiến độ, sản phẩm, kết quả và khó khăn, vướng mắc; không chỉ nêu tỷ lệ hoàn thành mà thiếu sản phẩm, số liệu và minh chứng kiểm chứng được. Trường hợp báo cáo không chính xác, người phê duyệt báo cáo và cơ quan báo cáo phải kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.

d) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp thông tin về đầu mối lãnh đạo cấp sở, ngành hoặc tương đương, đầu mối cấp phòng và cán bộ thực hiện chế độ báo cáo, gồm: họ và tên, chức vụ, đơn vị, số điện thoại; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) trước ngày 11 tháng 8 năm 2026 để lập nhóm “Theo dõi báo cáo NQ57” (*đầu mối liên hệ trực tiếp đồng chí Lê Thị Mai, Công an tỉnh- Số điện thoại: 0963.828.579*).

đ) Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, KGVX. NNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ UBND TỈNH GIAO CÁC ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
I	THỂ CHẾ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1	Khẩn trương hoàn thành các Nghị quyết về KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
2	Rà soát, ban hành Khung kiến trúc số cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	Quyết định UBND tỉnh	31/12/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
3	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các quy định, quy trình nội bộ không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu chuyển đổi số.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Danh mục các quy định cần sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ; báo cáo đề xuất xử lý	30/9/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
II	HẠ TẦNG					
4	Xây dựng, triển khai quy chế về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng nền tảng kết nối, liên thông mạng mật của các cơ quan trong hệ thống chính trị trong khối chính quyền	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Quy chế được ban hành	30 ngày sau khi Trung ương ban hành	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
5	Rà soát, xử lý các vùng chưa phủ cáp quang băng rộng cố định phục vụ chuyển đổi số tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; UBND xã, phường	100% xã có cáp quang băng rộng	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

6	Rà soát, báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục và phương án xử lý các điểm thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Các cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Danh mục và các phương án xử lý các điểm thiếu điện được phê duyệt (nếu có). Trường hợp không có thì tham mưu UBND tỉnh văn bản báo cáo Bộ Công Thương	30/7/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
7	Hoàn thành xử lý các điểm thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập tại các điểm ưu tiên (nếu có).	Sở Công Thương	Các cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành xử lý các điểm thiếu điện tại các điểm ưu tiên (nếu có)	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
8	Xây dựng phương án bảo đảm nguồn cung điện phục vụ trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao; dự báo nhu cầu đến năm 2030 (nếu có).	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Công an tỉnh; Công ty Điện lực Khánh Hòa	Báo cáo và phương án bảo đảm nguồn cung điện được trình cấp có thẩm quyền, trong đó xác định rõ khu vực, công suất, lộ trình đầu tư, cơ chế giá và phương án dự phòng nguồn điện	30/10/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

9	Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, máy tính, phần mềm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu công việc, góp phần đáp ứng vận hành thông suốt chính quyền 02 cấp; ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo nhu cầu của từng cơ quan, địa phương	30/7/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
10	Tổng hợp nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp... toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	30/7/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
11	Bố trí kinh phí mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối; các cơ quan hoàn thành mua sắm, bảo đảm 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ giải quyết TTHC có thiết bị đạt yêu cầu.	Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan ở địa phương hoàn thành báo cáo trang thiết bị đầu cuối; Sở Tài chính tổng hợp, rà soát nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, trình UBND tỉnh trước ngày 30/8/2026; các cơ quan, đơn vị thực hiện mua sắm theo nhiệm vụ được giao	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

12	Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn 100% hệ thống thông tin của tỉnh; cập nhật dữ liệu phục vụ Bản đồ cấp độ an ninh mạng quốc gia.	Công an tỉnh; các cơ quan chủ quản hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ	100% hệ thống có hồ sơ cấp độ được phê duyệt, cập nhật lên bảng điều hành	30/9/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
13	Kết nối các hệ thống quan trọng của tỉnh với đầu mối giám sát 24/7; chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia (tối thiểu hệ thống cấp độ 3 trở lên); định kỳ kiểm tra tài khoản, phân quyền	Công an tỉnh, Đơn vị vận hành hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chủ quản hệ thống	Hoàn thành kết nối; báo cáo kiểm tra định kỳ	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
III	DỮ LIỆU SỐ					
14	Ban hành khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của tỉnh theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; Văn phòng Tỉnh ủy	Khung kiến trúc, khung quản trị, từ điển dữ liệu của tỉnh được cập nhật	15/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
15	Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh vào vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kho dữ liệu giai đoạn 1 hoạt động; tối thiểu 05 nguồn dữ liệu kết nối	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
IV	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN					
16	Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thứ hạng của tỉnh được cải thiện qua từng tháng	Thường xuyên	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

17	Lựa chọn nhóm TTHC có tần suất cao, liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số, bảo đảm người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại dữ liệu đã có trong CSDL của cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Có tối thiểu 05 thủ tục hành chính ưu tiên và đánh giá hiệu quả	Hoàn thành danh mục trước ngày 30/7/2026; hoàn thành kiểm thử trước ngày 30/11/2026	Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW
18	Xây dựng danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu có thể khai thác an toàn; chuẩn hóa API	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành chủ quản dữ liệu; doanh nghiệp, viện, trường	Danh mục dữ liệu mở, tài liệu API được công bố	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
V	NGUỒN LỰC					
19	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định	15/8/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
20	Tổng hợp, thẩm định danh sách đối tượng được hưởng mức hỗ trợ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng hỗ trợ	31/8/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
21	Ban hành Kế hoạch khắc phục tình trạng trình độ lao động không đồng đều giữa các nhóm lao động khác nhau, (nhất là nhóm lao động ở các xã miền núi)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch	31/12/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026)
VI	TÀI CHÍNH, GIẢI NGÂN					

22	Rà soát, hoàn thiện phương án phân bổ, giao dự toán đối với số kinh phí năm 2026 đã được bố trí nhưng chưa phân bổ, chưa giao dự toán cho các nhiệm vụ chuyển đổi số; ưu tiên cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung, an toàn, an ninh mạng, trang thiết bị thiết yếu và các nhiệm vụ cấp bách được Đảng, Nhà nước giao, bảo đảm đúng quy định, đúng trọng tâm, tránh dàn trải, trùng lặp, lãng phí	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã	Văn bản báo cáo UBND tỉnh về tình hình và đề xuất phương án phân bổ, giao dự toán	15/8/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
23	Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự toán đối với số kinh phí năm 2026 đã được bố trí nhưng chưa phân bổ, chưa giao dự toán cho các nhiệm vụ chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã	Quyết định giao dự toán được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.	15/8/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
VII	KỶ LUẬT THỰC THI					
24	Vận hành bảng theo dõi tiến độ 100 ngày làm việc; hằng tháng công khai các nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo tháng; bảng phân loại nhiệm vụ theo trạng thái: đúng tiến độ, có nguy cơ chậm và chậm tiến độ; đường dẫn minh chứng của từng nhiệm vụ	Báo cáo đầu tiên trước ngày 01/8/2026; cập nhật hằng tháng	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

25	Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Văn bản phê bình, nhắc nhở	Khi có nhiệm vụ chậm muộn	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)
26	Tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ sau khi hoàn thành 100 ngày triển khai kế hoạch Kế hoạch hoạt động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Quyết định khen thưởng	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐTW)

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ UBND TỈNH GIAO CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
I	CÁC NHIỆM VỤ THEO THÔNG BÁO SỐ 24-TB/CQTTBCĐ						
1	Ngày từ năm học 2026 - 2027, rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các chương trình đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp được ban hành, cập nhật theo thẩm quyền	30/9/2026	Thông báo số 24-TB/CQTTB CĐ
II	CÁC NHIỆM VỤ THEO THÔNG BÁO SỐ 25-TB/CQTTBCĐ						
	Xây dựng Nền tảng bản đồ số quốc gia tích 2 hợp dữ liệu đa ngành: Nghiên cứu mô hình Nền tảng bản đồ số quốc gia tích hợp dữ liệu đa ngành, xác định kiến trúc, mô hình quản trị, các lớp dữ liệu ưu tiên về đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, logistics, tài nguyên, đầu tư công; lựa chọn địa bàn, dự án trọng điểm để thí điểm, phục vụ rút ngắn thời gian chuẩn bị, thẩm định và phê duyệt dự án.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông Nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, cơ quan, địa phương liên quan	(i) Báo cáo nghiên cứu, đánh giá tính hiệu quả, khả thi; (ii) Kế hoạch, lộ trình và các lớp dữ liệu ưu tiên được xác định; (iii) Lựa chọn một số lĩnh vực, địa bàn, dự án trọng điểm để thí điểm.	31/12/2026	Thông báo số 25-TB/CQTTB CĐ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
3	Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm năng lực 3 AI quốc gia, thực hiện các nhiệm vụ phát triển Nền tảng AI hỗ trợ công vụ dùng chung: Thực hiện các nhiệm vụ phát triển Nền tảng AI hỗ trợ công vụ dùng chung theo hướng AI-First/AI-Native; xây dựng phiên bản thử nghiệm có kiểm soát cho 04 nhóm bài toán: trợ lý AI công vụ; AI hỗ trợ dịch vụ công; AI hỗ trợ hoàn thiện thể chế; AI phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; có kho tri thức được kiểm soát, dẫn chiếu nguồn, phân quyền chặt chẽ và bảo đảm trách nhiệm quyết định cuối cùng thuộc về con người.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Hoàn thành phiên bản đầu tiên của Nền tảng AI hỗ trợ công vụ dùng chung	31/12/2026	Thông báo số 25-TB/CQTTB CD

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
4	Định danh phương tiện giao thông, thiết bị bay không người lái (UAV): Nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và xây dựng hệ thống định danh điện tử, giám sát, quản lý phương tiện giao thông, thiết bị bay không người lái; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cấp phép, quản lý và giám sát theo thời gian thực.	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, cơ quan, địa phương liên quan	(i) Hệ thống định danh điện tử, giám sát và quản lý thiết bị bay không người lái trên phạm vi toàn quốc; (ii) Phương tiện giao thông, thiết bị bay không người lái được cấp phép, định danh và quản lý theo quy định.	Thực hiện cấp phép từ ngày 01/01/2027, gắn với Hệ thống định danh UTM quốc gia và định danh điện tử UAV theo thời gian thực	Thông báo số 25-TB/CQTTB CD
III. CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾ HOẠCH SỐ 05-KH/BCĐTW							
5	Rà soát, lập danh mục các quy định pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan, địa phương; đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý theo thẩm quyền	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, cơ quan, địa phương liên quan	Danh mục các vướng mắc và phương án xử lý, trong đó xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm, thẩm quyền và thời hạn hoàn thành	Hoàn thành danh mục trước 30/9/2026; hoàn thành phương án xử lý trước 30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
6	Kiểm kê trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ của các bộ, cơ quan, địa phương; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, hiệu suất, chi phí; xây dựng phương án chuyển dịch hoặc dừng các hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Sở Tài chính; Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan chủ quản	(i)100% trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ được kiểm kê; (ii) Phương án cho giai đoạn 2026- 2027	30/10/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
7	Lập Bản đồ cấp độ an ninh mạng cho các hệ thống số của các bộ, cơ quan, địa phương (<i>gồm chủ quản, cấp độ dự kiến, đã phê duyệt và đầu mối ứng cứu</i>). Xây dựng phương án mở rộng quy mô Trung tâm An ninh mạng quốc gia đáp ứng yêu cầu giám sát, điều hành an ninh mạng cho toàn hệ thống chính trị	Bộ Công an	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có hệ thống số	(i) 100% hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ có bản ghi, dữ liệu được cập nhật, hiển thị trên bảng điều hành trước ngày 30/9/2026; (ii) Phương án mở rộng Trung tâm An ninh mạng quốc gia được trình cấp có thẩm quyền trước ngày 30/11/2026	Hoàn thành lập Bản đồ cấp độ an ninh mạng trước ngày 30/9/2026; Hoàn thành phương án mở rộng quy mô Trung tâm An ninh mạng quốc gia trước ngày 30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
8	Tổ chức diễn tập liên khối về phòng, chống tấn công mạng, lộ lọt dữ liệu, gián đoạn hệ thống thông tin trọng yếu và khôi phục sau sự cố.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Kế hoạch, kịch bản, kết quả diễn tập và phương án khắc phục các tồn tại phát hiện qua diễn tập, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 515/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực ứng cứu sự cố an ninh mạng	30/10/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
9	Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh phục vụ hoàn thiện 12 CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW	Các bộ, cơ quan chủ quản 12 CSDL	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy, Sở KHCN, Sở Tư pháp	Tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện được làm sạch, đồng bộ	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
10	Triển khai hoàn thiện 104 CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP theo yêu cầu của bộ, cơ quan chủ quản	Các bộ, cơ quan chủ quản CSDL	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường chủ quản CSDL	Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy, Sở KHCN, Sở Tư pháp	Tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện đồng bộ.	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
11	Rà soát, bổ sung danh mục CSDL cần xây dựng, hoàn thiện; quy định rõ khái niệm, nội hàm, trường dữ liệu, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và giá trị pháp lý của dữ liệu. Đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, khả thi, phục vụ triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Bộ Công an	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Danh mục CSDL, trong đó quy định rõ khái niệm, nội hàm, trường dữ liệu, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và giá trị pháp lý của dữ liệu; danh mục các quy định cần sửa đổi; dự thảo văn bản hoặc phương án xử lý, cơ quan chủ trì và thời hạn hoàn thành đối với từng nội dung.	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
12	Hoàn thiện CSDL cán bộ, công chức, viên chức toàn quốc “ <i>đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung</i> ”, kết nối với CSDL đảng viên	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, cơ quan và UBND cấp xã	CSDL cán bộ, công chức, viên chức kết nối với CSDL đảng viên; dữ liệu được chia sẻ, khai thác phục vụ công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
13	Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, cơ quan, địa phương, bảo đảm hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định; công khai, giám sát theo thời gian thực về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị giải quyết TTHC	Bộ Công an	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; sở, cơ quan, UBND cấp xã	Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC được kết nối, vận hành ổn định, thông suốt; các lỗi, điểm nghẽn ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả TTHC được khắc phục. Bộ tiêu chuẩn, chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng được ban hành; kết quả giám sát được tích hợp lên Hệ thống theo dõi nghị quyết; mức độ sẵn sàng, thời gian xử lý sự cố và trách nhiệm của từng cơ quan được theo dõi theo thời gian thực.	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026 và duy trì liên tục	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
14	Phát triển công cụ độc lập để đánh giá mức độ sử dụng và thu thập phản hồi của người sử dụng; ưu tiên tích hợp công cụ vào các nền tảng số quốc gia liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Bộ tiêu chuẩn, chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng được ban hành. Công cụ đánh giá được hoàn thiện và tích hợp lên Hệ thống theo dõi các nghị quyết tại địa chỉ theodoingq.dcs.vn	30/9/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
15	Rà soát các nền tảng số dùng chung quốc gia đang triển khai; ban hành tiêu chí và yêu cầu kỹ thuật bảo đảm khả năng đăng nhập một lần qua VNeID.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Bộ tiêu chí và yêu cầu kỹ thuật đối với nền tảng số dùng chung, bảo đảm khả năng đăng nhập một lần qua VNeID	30/9/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
16	Đánh giá việc cắt giảm, đơn giản hóa, tái cấu trúc thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, thanh toán trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu và xử lý đúng hạn; công bố bảng xếp hạng hằng tháng	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Công an tỉnh; các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Đánh giá, xếp hạng theo Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022	Công bố lần đầu trước ngày 30/9/2026 và thực hiện thường xuyên	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
17	Hoàn thành tái cấu trúc các TTHC còn lại theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; sửa đổi quy định, quy trình nội bộ và biểu mẫu trên cơ sở dữ liệu đã có	Các bộ, cơ quan chủ quản thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành tương ứng với TTHC phải tái cấu trúc	Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Các TTHC được tái cấu trúc; quy trình điện tử và biểu mẫu được cập nhật; thành phần hồ sơ, thời gian xử lý và kết quả cắt giảm được công khai	30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
18	Kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các CSDL đã công bố và các CSDL mới hoàn thành; tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu	Các bộ chủ quản hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Bộ Công an	Các sở có bộ chủ quan TTHC	Sở Tư pháp; cơ quan chủ quản CSDL	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ đã có	30/8/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
19	Xây dựng thí điểm CSDL tập trung về thương mại điện tử, kết nối dữ liệu dân cư, thuế, hải quan và phản ánh vi phạm; hỗ trợ quản lý hàng giả, gian lận và bảo vệ người tiêu dùng	Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử thí điểm được hình thành, kết nối dữ liệu của tối thiểu 02 địa phương	Hoàn thành thí điểm trước ngày 30/9/2026; tiếp tục hoàn thiện theo lộ trình phù hợp với quy định của pháp luật	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
20	Tổ chức tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu học sinh, sinh viên (ưu tiên nhóm tuổi từ 16 đến 22); gắn mã định danh người học với số định danh cá nhân, hình thành hồ sơ học tập suốt đời gồm học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số; kết nối, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp, xác thực và khai thác trên VNeID, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, có giá trị pháp lý và được sử dụng thay thế giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Chuẩn dữ liệu và quy trình tạo lập, cập nhật, kết nối, xác thực được ban hành; dữ liệu học sinh, sinh viên được đối soát, gắn số định danh cá nhân; học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số và hồ sơ học tập suốt đời được tích hợp, xác thực trên VNeID; thí điểm tại tối thiểu 05 địa phương; văn bằng,	Hoàn thành trước ngày 30/10/2026 ; Mở rộng làm sạch dữ liệu lịch sử hoàn thành trước 31/12/2026 (ưu tiên độ tuổi từ 16 đến 22)	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)
21	Hoàn thiện dữ liệu, quy trình cấp, kiểm tra và xác thực Phiếu lý lịch tư pháp điện tử trên VNeID; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức tiếp nhận, sử dụng thay bản giấy và xử lý kịp thời các trường hợp từ chối kết quả điện tử.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Các sở, cơ quan, UBND cấp xã	Dữ liệu lý lịch tư pháp được cập nhật, kết nối; hướng dẫn kiểm tra, xác thực được ban hành; Phiếu lý lịch tư pháp điện tử trên VNeID được tiếp nhận, sử dụng thay bản giấy.	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026 và duy trì thực hiện thường xuyên	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tại Trung ương	Cơ quan chủ trì phối hợp tại tỉnh	Cơ quan phối hợp tại tỉnh	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Văn bản giao nhiệm vụ
22	Phát triển Sổ sức khỏe điện tử và nền tảng số chăm sóc sức khỏe toàn dân; chuẩn hóa, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế và các dữ liệu có liên quan.	Bộ Y tế	Sở Y tế	Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên ứng dụng VNeID và được sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên, liên tục 24/7, góp phần giảm giấy tờ và thời gian thực hiện thủ tục.	Hoàn thành vận hành ổn định thường xuyên, liên tục trước ngày 30/11/2026	Kế hoạch số 11-KH/BCĐ (KH số 05/KH/BCĐ TW)